

# NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG DÂN CƯ HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

STUDYING ON THE QUALITY OF LIFE IN DINH QUAN DISTRICT,  
DONG NAI PROVINCE

*Nguyễn Hoàng Hải*

*Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*

*Trương Phước Minh*

*Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng*

## TÓM TẮT

Định Quán là một huyện miền núi của tỉnh Đồng Nai. Trong 10 năm qua, Định Quán đã có nhiều nỗ lực để thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội, và đạt những thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt là trong chiến lược xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hiệu quả của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và các dự án xóa đói giảm nghèo vẫn còn khiêm tốn. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng và đánh giá các tiêu chí có ảnh hưởng đến chất lượng sống tại huyện Định Quán để từ đó đề xuất các kiến nghị và giải pháp giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương là cần thiết.

**Từ khóa:** chất lượng cuộc sống; tiêu chí, giải pháp; huyện Định Quán.

## ABSTRACT

Dinh Quan is a mountainous District of Dong Nai Province. In the last 10 years, it has made great efforts to accomplish the socio-economic goals, which has made encouraging achievements, especially in poverty reduction strategy. However, the efficiency of The Millennium Development Goals (MDGs) and the poverty reduction project in Dinh Quan are still much disadvantage. So, studying the situation and assessing the criteria affecting to the quality of life to offers recommendations and solutions improving life quality of Dinh Quan local people is necessary.

**Key words:** quality of life; criteria; solution; Dinh Quan District.

### 1. Đặt vấn đề

Khi xã hội ngày càng phát triển thì chất lượng cuộc sống (CLCS) càng được con người quan tâm, không chỉ ở tầm quốc gia mà cả trên bình diện thế giới. Điều đó được thể hiện rất rõ trong mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) toàn cầu do chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đề xuất. Ở nước ta, chính phủ cũng đã ban hành chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (2001-2010) (gọi tắt CPRGS, 5/2002).

Là một huyện miền núi của tỉnh Đồng Nai, trong 10 năm gần đây, huyện Định Quán đã có nhiều cố gắng để hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội, và đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo. Tuy vậy, hiệu quả từ những chương trình Mục tiêu Thiên niên kỷ, các dự án xóa đói giảm nghèo tại huyện Định Quán vẫn chưa cao. Bài báo tìm hiểu thực trạng đời sống dân cư huyện Định Quán, từ đó đưa ra những kiến nghị và giải

pháp giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nơi đây.

### 2. Nội dung vấn đề nghiên cứu

#### 2.1. Thuật ngữ và tiêu chí

- *Thuật ngữ:* Chất lượng cuộc sống (*Quality of life*) là thuật ngữ được sử dụng để đánh giá mức độ tốt đẹp của cuộc sống đối với các cá nhân, mà cụ thể là mức độ của sự sang khoái, hài lòng về thể chất, tâm thần và xã hội. Chất lượng cuộc sống là thước đo về phúc lợi vật chất và giá trị tinh thần. Việc không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người là một nỗ lực của các nhà nước, xã hội và cả cộng đồng quốc tế. Ngày nay, chất lượng cuộc sống được hiểu là sự thỏa mãn một số nhu cầu cơ bản của con người, thường được thể hiện qua hai mặt: lối sống và mức sống.

- *Tiêu chí đo lường:* các tiêu chí phản ánh CLCS được thừa nhận rộng rãi bao gồm: Chỉ số phát triển con người (HDI); thu nhập bình quân đầu người; giáo dục, y tế - tuổi thọ; thực phẩm,

thông qua số calo bình quân đầu người; điều kiện sử dụng điện nước sinh hoạt; điều kiện về nhà ở; các công trình công cộng, xã hội như công viên, nhà vệ sinh công cộng, nhà ở xã hội, công trình phúc lợi... Tổ chức Y tế thế giới (WHO) còn tính đến các tiêu chí như: Mức độ sáng khoái về tâm thần (tâm lý, tín ngưỡng, tôn giáo); Mức độ sáng khoái về xã hội gồm quan hệ xã hội, môi trường sống (môi trường xã hội và thiên nhiên) [2][6].

Năm 2011, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) căn cứ vào các tiêu chí như thu nhập, nhà cửa, công việc, cộng đồng, giáo dục, môi trường, sức khỏe, mức hài lòng về cuộc sống, an toàn và sự cân bằng giữa sống và làm việc công bố danh sách 10 quốc gia có chất lượng sống cao nhất thế giới, đứng đầu là

Australia, tiếp đến là Canada, Thụy Điển, New Zealand, Na Uy, Đan Mạch, Mỹ...

Từ đó, chất lượng cuộc sống được phân ánh như một *cảm nhận có tính cách chủ quan của cá nhân đặt trong bối cảnh môi trường xã hội và thiên nhiên* [2].

## 2.2. Thực trạng chất lượng cuộc sống dân cư huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- Tỉnh Đồng Nai: là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá so với các tỉnh thành khác trong toàn vùng Đông Nam Bộ và cả nước, vì thế CLCS dân cư của tỉnh tương đối cao và ngày càng được cải thiện. Từ năm 2005- 2010, GDP của tỉnh đã tăng gấp 2,7 lần.

**Bảng 1. Tổng thu nhập và thu nhập bình quân đầu người tỉnh Đồng Nai**

Năm	2005	2007	2008	2009	2010
Tổng GDP (tỷ đồng)	27.940,0	43.036,0	54.075,5	61.984,1	75.899,0
GDP/người (triệu đồng)	12,7	18,2	22,3	24,8	29,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Đồng Nai 2012)[5]

Các chỉ số chất lượng cuộc sống ở huyện Định Quán

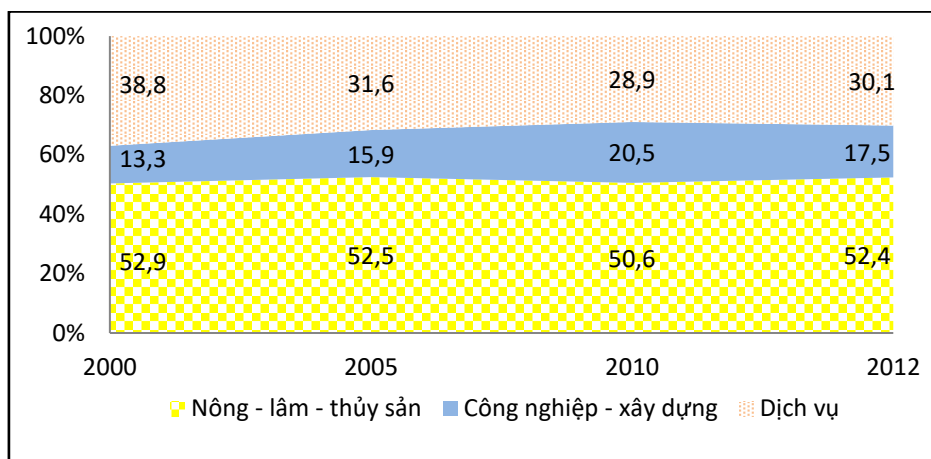
### a) Phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2001-2012 của huyện hơn 8%/năm. Tuy nhiên so sánh với tốc độ tăng trưởng cả tỉnh (13,2%) thì vẫn còn thấp. Quy mô nền kinh tế từ 1.365 tỷ đồng (2005) lên 3.946,9 tỷ đồng (2012), tăng gấp 2,9 lần.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng phi nông nghiệp nhưng tốc độ khá chậm, chỉ có 2,3% trong toàn giai đoạn 2000-2012. Với tỷ lệ nông nghiệp – phi nông nghiệp là 50,6% - 49,4%, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu trong khi tỷ lệ này của toàn tỉnh là 8,6% - 91,4%. Đặc biệt, từ 2010 đến 2012 ngành công nghiệp lại giảm tỷ trọng xuống còn 17,5%, chủ yếu là do sản xuất công nghiệp bị trì trệ dưới tác động của suy thoái kinh tế chung.

- Huyện Định Quán: nằm ở phía đông tỉnh Đồng Nai có ranh giới tiếp giáp với huyện Tân Phú, tỉnh Bình Thuận, huyện Thống Nhất và Xuân Lộc, huyện Vĩnh Cửu. Năm 2012, dân số của huyện là 203.865 người, chiếm 7,5% dân số tỉnh Đồng Nai. Dân số thành thị là 20.763 người (10,2%) so với tỷ lệ dân thành thị toàn tỉnh là 33,9%. Mật độ dân số năm 2012 là 210 người/km<sup>2</sup>, thấp hơn nhiều so với toàn tỉnh (460 người/km<sup>2</sup>). Dân cư phân bố không đều, tập trung ở thị trấn Định Quán với 2.083 người/km<sup>2</sup>, xã Phú Vinh (709 người/km<sup>2</sup>), thấp nhất Thanh Sơn (68 người/km<sup>2</sup>).

Diện tích tự nhiên toàn huyện là 971,1 km<sup>2</sup>, chiếm 16,4% diện tích tự nhiên toàn tỉnh – đứng thứ 2 sau huyện Vĩnh Cửu. Huyện có 14 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 13 xã. Định Quán có 17.647,32 ha mặt nước thuộc lòng hồ Trị An nằm trong lưu vực hai con sông La Ngà và sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước mặt quan trọng cho thủy điện Trị An và hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt.



Hình 1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của huyện từ 2000-2012[7]

b) Lao động, việc làm và thu nhập

Nhờ cân đối cơ cấu dân số nên lao động theo giới tính của huyện không có sự chênh lệch lớn, chỉ khoảng 0,4%. Tuy nhiên, lao động thành thị chỉ chiếm 10% tổng số lao động, nguyên nhân do Định Quán là huyện miền núi, quá trình đô thị hóa chậm và dân số thành thị cũng chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn. Nhờ đẩy mạnh công tác xúc tiến và giải quyết việc làm nên năm 2005, số người có

việc làm là 3.349 người thì đến năm 2012 đã là 4.321 người, nhờ vậy mà thu nhập của người lao động được cải thiện đáng kể, góp phần nâng cao CLCS người dân nơi đây. Thu nhập bình quân đầu người của huyện đã không ngừng tăng lên nhờ những thành tựu nhất định trong phát triển kinh tế xã hội. Đây được xem là một trong những tiêu chí quan trọng, có tác dụng lớn đối với CLCS của dân cư trên địa bàn.

Bảng 2. Thu nhập bình quân đầu người từ 2006 đến 2012

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2012
Tỉnh Đồng Nai (triệu đồng)	10,4	18,2	22,3	24,8	29,6	42,2
Huyện Định Quán (triệu đồng)	7,8	9,5	11,8	13,2	15,3	19,4

(Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai 2011, Chi cục thống kê huyện Định Quán 2012)

c) Lương thực và dinh dưỡng: ngành nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho người dân. Góp phần nâng cao năng suất lao động, sức khỏe và phòng

chống suy dinh dưỡng ở trẻ em. Sản lượng lương thực không ngừng tăng lên, từ 78.584 tấn (2005) đã đạt 96.040 tấn (2012), tăng 1,2 lần.

Bảng 3. Sản lượng lương thực và bình quân lương thực từ 2005-2012

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2012
Sản lượng lương thực(tấn)	78.584	76.625	83.617	88.376	76.774	76.806	96.040
BQ. lương thực (kg/người)	399,8	390,7	427,3	455,0	397,5	388,9	471,1

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Định Quán – năm 2012)

Bình quân lương thực theo đầu người từ 399,8 kg/người năm 2005 đã tăng lên 471,1 kg/người vào 2012. Tuy nhiên vẫn còn thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước (480,5kg/người). Nguyên nhân khiến cho bình quân lương thực của huyện thấp hơn cả nước trong khi kinh tế

chủ lực của huyện là nông nghiệp chủ yếu là do phần lớn diện tích đất trồng của huyện được sử dụng trồng các loại cây công nghiệp và do điều kiện tự nhiên của huyện không thích hợp cho việc trồng các loại cây lương thực, nhất là lúa gạo.

d) Giáo dục: Tỷ lệ người biết đọc, biết viết từ 15 tuổi trở lên gia tăng, đạt 92,7%, thấp hơn mức trung bình toàn tỉnh là 97,7% (2010). Số lượng các trường học tăng lên và phân bố hợp lý giữa các địa bàn dân cư. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đang dần hoàn thiện. Tỷ lệ học sinh tiểu học có xu hướng tăng nhẹ trong khi ở cấp THCS và THPT đều không ngừng giảm xuống. Dấu hiệu đáng mừng trong sự biến động này là tỷ lệ học sinh theo học khối sơ cấp – trung cấp nghề và khối cao đẳng – đại học tăng lên đáng kể. Điều này sẽ góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn lao động của huyện, đồng thời gia tăng cơ hội tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập, mức sống của người học sau đào tạo.

e) Y tế và tuổi thọ: nhờ những thành tựu trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe nên tuổi thọ trung bình của dân cư đã được cải thiện rõ nét. Tuổi thọ trung bình của dân cư là 71,4 tuổi (2006) đã tăng lên 73,9 tuổi vào cuối năm 2012. Đây là dấu hiệu đáng mừng vì tuổi thọ trung bình có ảnh hưởng rất lớn đến chỉ số CLCS dân cư. Tuy nhiên, con số này vẫn còn thấp hơn nhiều so với tuổi thọ trung bình toàn tỉnh. So sánh riêng năm 2010, tuổi thọ trung bình của tỉnh là 76,4, cao hơn tuổi thọ trung bình của huyện 2,5 tuổi [5].

f) Điện, nước, nhà ở: toàn huyện có 22 cụm nước sạch nhỏ phục vụ nhu cầu dân sinh, tỷ lệ hộ sử dụng điện thấp sáng đạt 98% (2012). Mức độ nhà ở kiên cố, bán kiên cố và đơn sơ có sự phân hóa theo nhóm thu nhập. Nhóm thu nhập cao thường có tỷ lệ nhà ở kiên cố cao hơn nhiều so với các nhóm còn lại. Tỷ lệ nhà ở kiên cố của huyện không có sự phân hóa giữa thành thị - nông thôn. Năm 2009, tỷ lệ nhà ở kiên cố của thị trấn

Định Quán là 6,6%, thấp hơn tỷ lệ của xã Ngọc Định (8,6%) và xã Túc Trung (12,3%).

g) Hưởng thụ văn hóa, tinh thần: Huyện đã đưa vào hoạt động hệ thống các sân vận động, nhà văn hóa, đài phát thanh. Công tác thông tin, văn hóa, văn nghệ, thể thao vào các ngày lễ tết được thực hiện tốt. Đã tổ chức 200 buổi biểu diễn văn hóa, văn nghệ tại các trung tâm huyện và các xã. Bưu chính viễn thông ngày càng phát triển, tính đến cuối năm 2012, toàn huyện có 01 bưu điện, 04 bưu cục và 05 bưu điện văn hóa xã. Số thuê bao internet đạt 6.306. Tổng số thuê bao điện thoại là 159.594 máy (đạt 78 máy/100 dân).

h) Môi trường và an ninh: do Định Quán là huyện miền núi, mức độ tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp thấp nên môi trường sống tương đối trong lành. Các chỉ tiêu về môi trường sống như: chất lượng nước tại các sông suối, ao hồ, nước ngầm, môi trường không khí... đều đạt tiêu chuẩn về môi trường. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tăng từ 46% năm 2010 lên 62% năm 2012. Việc giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ tổ quốc mà tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tương đối ổn định. Tình hình tai nạn giao thông vẫn chưa giảm. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến CLCS dân cư trên toàn huyện.

#### 2.2.2. Đánh giá tổng hợp về CLCS dân cư huyện Định Quán

Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện thời gian qua cho thấy, nền kinh tế của huyện có sự chuyển biến rõ nét. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức khá cao, chất lượng cuộc sống của cư dân không ngừng được cải thiện mà biểu rõ nhất là thông qua các tiêu chí cơ bản như: thu nhập bình quân, giáo dục và y tế, tuổi thọ, môi trường.

**Bảng 4.** Tổng hợp các chỉ số và HDI của huyện Định Quán từ 2006-2012

	Tuổi thọ		Chỉ số giáo dục			Chỉ số mức sống		HDI
	Tuổi thọ	Chỉ số	% người	% HS-SV đi	Chỉ	GDP/người	Chỉ số	
2006	71,4	0,858	89,5	56,4	0,785	553,6	0,286	<b>0,643</b>
2009	72,4	0,869	91,2	57,2	0,799	943,1	0,375	<b>0,681</b>
2010	73,1	0,877	92,7	58,0	0,811	1.091,9	0,399	<b>0,696</b>
2012	73,9	0,886	94,3	58,4	0,823	1.382,9	0,438	<b>0,716</b>

(Nguồn: Chi cục thống kê Định Quán và tính toán của tác giả - năm 2013)

### 2.3. Mục tiêu và giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư huyện Định Quán

2.3.1. *Tăng trưởng kinh tế:* phấn đấu đến năm 2020, Định Quán trở thành huyện sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng bền vững. Giải pháp gồm từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế theo hướng hiện đại và hình thành thị trường hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất theo hướng chú trọng thế mạnh cây công nghiệp và nuôi trồng hải sản, thu hút hợp tác đầu tư. Giai đoạn 2011-2015: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,5%/năm. GDP bình quân năm 2015 đạt 30 triệu đồng/người. Giai đoạn 2016-2020: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,5%/năm. GDP bình quân năm 2015 đạt 70 triệu đồng/người [7].

2.3.2. *Lao động và việc làm:* với ưu thế về cơ cấu dân số trẻ, lực lượng lao động của huyện khá dồi dào, chiếm 58,1% dân số toàn huyện (118.485 lao động). Về mặt giải pháp thì việc thúc đẩy công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động là hết sức cần thiết. Nâng cấp trung tâm dạy nghề Định Quán thành trường trung cấp nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động đã qua đào tạo. Đẩy mạnh công tác tư vấn, thông tin về thị trường lao động, giới thiệu nhu cầu doanh nghiệp. Triển khai các chính sách ưu đãi lao động ở khu vực nông thôn để hộ chủ động tham gia học nghề và tiếp cận thị trường việc làm.

2.3.3. *Giáo dục, y tế, văn hóa, tiến bộ xã hội và môi trường*

- **Giáo dục đào tạo:** huy động các nguồn lực của huyện cho đến các nguồn đầu tư xã hội hóa giáo dục nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của ngành giáo dục. Các giải pháp gồm có việc đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Thực hiện công bằng giáo dục

nhưng vẫn đảm bảo ưu tiên phát triển giáo dục cho những địa bàn khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ. Xây dựng thêm nhiều trường đạt chuẩn quốc gia.

- **Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:** tăng cường công tác giáo dục sức khỏe và vệ sinh thực phẩm. Bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh và thực hiện tốt chính sách kế hoạch hóa gia đình. Giải pháp cụ thể là phấn đấu đến năm 2020, các trạm y tế đều có đủ số cán bộ y tế đạt chuẩn theo quy định. Giảm số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 6%. Giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên mức 1,0% [7]. Thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn thực phẩm ngay từ khâu nuôi trồng, bảo quản và phân phối tiêu thụ.

- **Thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế phụ nữ:** cần thực hiện đầy đủ các quyền bình đẳng của phụ nữ trong học tập, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và cân nhắc đề bạt. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phòng chống bạo lực, bạo hành trong gia đình, phổ biến luật hôn nhân gia đình, bình đẳng giới.

2.3.4. *Phát triển văn hóa thông tin, thể dục thể thao:* thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Các giải pháp như nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà văn hóa dân tộc Châu Mạ (thị trấn Định Quán) và nhà văn hóa Châu Ro (xã Túc Trưng). Hoàn thiện và hoàn thành khu di tích tượng đài chiến thắng La Ngà, tôn tạo và phát huy khu di tích danh thắng đá Ba Chông. Xây dựng gia đình văn hóa kiểu mẫu của nông thôn ở 03 xã Phú Túc, Suối Nho, Phú Vinh đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới.

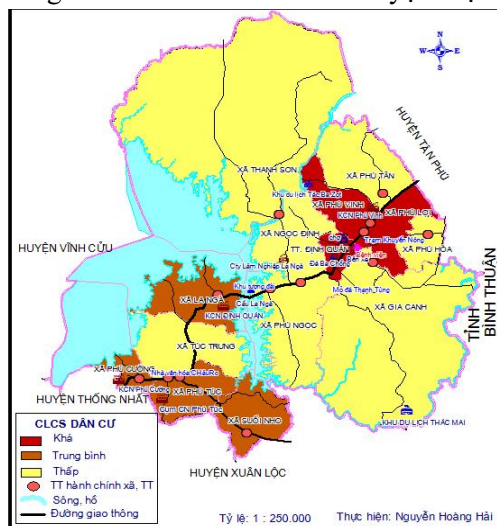
- **Xóa đói giảm nghèo:** giảm nghèo bền vững là một chương trình mang tính kinh tế và nhân văn sâu sắc. Nó vừa là mục tiêu phát triển kinh tế, vừa là công bằng xã hội đảm bảo cho quá trình phát triển kinh tế bền vững, hạn chế tối đa phân hóa giàu nghèo vốn thường thấy ở những nền kinh tế đang phát triển. Vì thế, giải pháp là tăng cường công tác quản lý cấp xã, thị

trần trong việc phối hợp với các cơ quan chính sách, Hội nông dân, hội liên hiệp phụ nữ trong công tác điều hành, quản lý các chương trình tín dụng ưu đãi.

**3. Kết luận**

Trong các mục tiêu và giải pháp đề ra nhằm nâng cao CLCS dân cư thì huyện Định

Quán cần chú ý tập trung nâng cao mục tiêu tăng trưởng kinh tế và thu nhập thông qua các nhóm giải pháp về phát triển kinh tế và công tác xóa đói giảm nghèo. Chỉ khi nào chỉ tiêu thu nhập tăng cao sẽ có tác dụng thúc đẩy các tiêu chí khác phát triển, từ đó góp phần cải thiện nhanh chóng CLCS dân cư trong thời gian tới.



Chỉ số	2006	2012	2020 (dự báo)
GDP/ng(PPP - USD)	553,6	1.382,9	3.454,5
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	13,7	9,5	6,0
Tỷ lệ l/đ qua đào tạo (%)	19,6	42,9	60,0
Số CB y tế/1 vạn dân	10,3	21,8	39,0
Tỷ lệ hộ dùng nước sạch (%)	//	9,5	40,0
Tỷ lệ hộ dùng điện (%)	88,5	98,0	100,0
Tỷ lệ nhà ở kiên cố (%)	4,3	5,5	11,0

**Hình 2.** Bản đồ CLCS dân cư huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai năm 2012 và dự báo 2020

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Báo cáo phát triển con người Việt Nam (2001), NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.  
 [2] Báo cáo chỉ số phát triển con người (2010), Cơ quan phát triển Liên Hợp Quốc.  
 [3] Nguyễn Thị Cành (2001), *Diễn biến mức sống dân cư, phân hóa giàu nghèo và các giải pháp xóa đói giảm nghèo trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam nhìn từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.  
 [4] Nguyễn Thị Linh (2012), *Chất lượng cuộc sống dân cư Đồng Nai*  
 [5] *Niên giám Thống kê (2012)*, Cục Thống kê Đồng Nai 2012. CCTK Định Quán 2012.  
 [6] Nguyễn Minh Tuệ (2005), *Địa lý kinh tế xã hội đại cương*. NXB ĐHS P Hà Nội.  
 [7] Ủy ban nhân dân huyện Định Quán (2012), *Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2011- 2020*.